

PHỤ LỤC

Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng xã Yên Châu phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2025

(Kèm theo phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2025 của xã Yên Châu)

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND xã Yên Châu)

TT	Nội dung chi	Tổng $= (4+5+6)$	Năm 2025 (Nguồn 2024)	Thời gian quyết toán
1	2	3	6	7
1	Chi cho người bảo vệ rừng	135,000,000	135,000,000	Trước ngày 31/12/2025
2	Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng	12,000,000	12,000,000	
3	Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật		-	
4	Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm	10,000,000	10,000,000	
5	Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng	15,000,000	15,000,000	
6	Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng	22,000,000	22,000,000	
7	Các khoản chi khác	18,500,000	18,500,000	
Tổng cộng		212,500,000	212,500,000	

Số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC SỐ 1.1

Tổng hợp diện tích chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 (nguồn chi trả năm 2024)

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND xã Yên Châu)

Đơn vị tính: Ha, đồng

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Loại đất, loại rừng	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số K	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)	Đơn giá	Tổng số tiền được chi trả DVMTR
	Cộng đồng bản	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)				K1	K2	K3	K4			
[1]	[2]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11=12x13x14x15]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16=10x11]	[17]	[18]
1	Tiểu Khu 1	13	1	866D		RTG	4.57						4.57		
2	Tiểu Khu 2	14	1	866D		RTG	2.92						2.92		
3	Tiểu Khu 3	17	1	866D		RTG	2.98						2.98		
4	Tiểu Khu 3	18	1	866D		RTG	0.62						0.62		
5	Tiểu Khu 4	5	1	866D		RTG	0.73						0.73		
6	Tiểu Khu 4	5ab	1	866D		RTG	1.66						1.66		
7	Tiểu Khu 6	3	1	866D		RTG	1.43						1.43		
8	Tiểu Khu 6	6	1	866D		RTG	0.33						0.33		
9	Tiểu Khu 6	7	1	866D		RTG	0.43						0.43		
10	Tiểu Khu 6	8b	1	866D		RTTN	2.94						2.94		
11	Bản Chai	15	7	869A		TXN	4.08						4.08		
12	Bản Chai	26	3	869b		RTG	0.87						0.87		
13	Bản Chai	36	3	869b		RTG	0.23						0.23		
14	Bản Chai	24a	3	869b		RTTN	3.39						3.39		
15	Bản Chai	34b	3	869b		HGD	1.93						1.93		
16	Bản Chai	1	6	869b		RTG	0.33						0.33		
17	Bản Chùm	38	2	861		HG2	1.62						1.62		
18	Bản Chùm	40	2	861		HG2	0.26						0.26		

19	Bản Chùm	43	2	861		TXN	0.63						0.63		
20	Bản Chùm	45	2	861		HG2	1.84						1.84		
21	Bản Chùm	49	2	861		HG2	0.38						0.38		
22	Bản Chùm	72b	2	861		HG2	0.16						0.16		
23	Bản Chùm	16	4	869A		HG2	0.38						0.38		
24	Bản Chùm	40	4	869A		HG2	0.93						0.93		
25	Bản Chùm	51b	4	869A		HG2	0.26						0.26		
26	Bản Chùm	56a	2	861		HG2	0.46						0.46		
27	Bản Chùm	47b	4	869A		HG2	2.01						2.01		
28	Bản Chùm	92	6	869A		HG2	0.43						0.43		
29	Bản Đông Tấu	9	1A	863B		HG2	0.71						0.71		
30	Bản Đông Tấu	13	1A	863B		HG2	0.46						0.46		
31	Bản Đông Tấu	15	1A	863B		HGD	0.58						0.58		
32	Bản Đông Tấu	19	1A	863B		TLU	0.35						0.35		
33	Bản Đông Tấu	20	1A	863B		HGD	0.39						0.39		
34	Bản Đông Tấu	26	1A	863B		TLU	1.35						1.35		
35	Bản Đông Tấu	16bc	1A	863B		RTG	1.15						1.15		
36	Bản Đông Tấu	6b	1A	863B		HGD	1.11						1.11		
37	Bản Huối Siêu	66	1	864A		HG2	0.21						0.21		
38	Bản Huối Siêu	72	1	864A		HGD	1.55						1.55		
39	Bản Huối Siêu	77	1	864A		TXDN	0.2						0.2		
40	Bản Huối Siêu	79	1	864A		TXDN	1.1						1.1		
41	Bản Huối Siêu	67a	1	864A		HG2	1.73						1.73		
42	Bản Huối Siêu	79b	1	864A		HG2	0.28						0.28		
43	Bản Hợן	90	2	861		TXN	0.31						0.31		
44	Bản Hợן	1	3	869A		RTG	0.54						0.54		
45	Bản Hợן	10	3	869A		TXDK	1.3						1.3		
46	Bản Hợן	14	3	869A		TXDK	0.31						0.31		
47	Bản Hợן	19	3	869A		TXDK	2.28						2.28		
48	Bản Hợן	20	3	869A		HGD	3.28						3.28		
49	Bản Hợן	23	3	869A		HGD	4.16						4.16		
50	Bản Hợן	10	7	869A		HGD	0.82						0.82		
51	Bản Hợן	3	8	869A		HG2	1.32						1.32		
52	Bản Hợן	17	8	869A		TLU	2.4						2.4		
53	Bản Hợן	18	8	869A		HG2	1.03						1.03		
54	Bản Hợן	20	8	869A		TLU	1.31						1.31		
55	Bản Hợן	21	8	869A		HG2	2.66						2.66		
56	Bản Hợן	51	8	869A		HG2	3.31						3.31		
57	Bản Hợן	3a	3	869A		TXP	0.37						0.37		
58	Bản Hợן	63	8	869A		RTG	0.55						0.55		

59	Bản Hượn	64	8	869A		RTG	1.17						1.17		
60	Bản Hượn	65	8	869A		RTG	0.91						0.91		
61	Bản Keo Bó	51	1	860		HG2	1.81						1.81		
62	Bản Keo Bó	2b	1	860		TXN	0.88						0.88		
63	Bản Keo Bó	9b	1	860		TXN	5.78						5.78		
64	Bản Nà Pản	14	3	861		TLU	0.44						0.44		
65	Bản Nà Pản	11a	3	861		HG2	0.37						0.37		
66	Bản Nà Pản	8b	4	861		TXN	0.4						0.4		
67	Bản Nà Pản	29	5	861		TLU	1.2						1.2		
68	Bản Nà Pản	13	6	861		HG2	1.2						1.2		
69	Bản Nà Pản	22	6	861		TLU	1.09						1.09		
70	Bản Nà Pản	28	6	861		TLU	2.97						2.97		
71	Bản Nà Pản	1	7	861		TXN	1.01						1.01		
72	Bản Nà Pản	2	7	861		TLU	0.62						0.62		
73	Bản Nà Pản	24	7	861		TLU	1.18						1.18		
74	Bản Nà Pản	34	7	861		TLU	0.54						0.54		
75	Bản Nà Pản	39	7	861		TLU	0.94						0.94		
76	Bản Nà Pản	50	7	861		TLU	0.25						0.25		
77	Bản Nà Pản	5a	8	861		TXN	1.62						1.62		
78	Bản Nà Pản	5ba	8	861		TXN	0.43						0.43		
79	Bản Nà Pản	5bb	8	861		TXN	1.08						1.08		
80	Bản Nà Pản	5c	8	861		TXN	0.76						0.76		
81	Bản Nà Pản	17	1	863A		HG2	0.64						0.64		
82	Bản Nà Pản	52	1	863A		HG2	0.53						0.53		
83	Bản Nà Pản	73	1	863A		TLU	0.81						0.81		
84	Bản Nà Pản	19	3	863A		HG2	0.54						0.54		
85	Bản Nà Pản	15	4	863A		TXN	1.19						1.19		
86	Bản Nà Pản	20a	4	863A		TXN	3.44						3.44		
87	Bản Nà Pản	23c	4	863A		TXN	0.54						0.54		
88	Bản Nà Pản	6	5	863A		TND	0.87						0.87		
89	Bản Nà Pản	7	5	863A		TND	0.33						0.33		
90	Bản Nà Pản	20	5	863A		TND	0.22						0.22		
91	Bản Nà Pản	26	5	863A		TXDK	1.54						1.54		
92	Bản Nà Pản	29	5	863A		TND	1.11						1.11		
93	Bản Nà Pản	65	5	863A		TXDK	1.68						1.68		
94	Bản Nà Pản	76	5	863A		TXN	0.39						0.39		
95	Bản Nà Pản	15	6	863A		HG2	0.84						0.84		
96	Bản Nà Pản	16	6	863A		TLU	0.59						0.59		
97	Bản Nà Pản	20	6	863A		TLU	1.37						1.37		
98	Bản Nà Pản	24	6	863A		TLU	0.52						0.52		
99	Bản Nà Pản	14a	6	863A		HG2	1.26						1.26		
100	Bản Nà Pản	14b	6	863A		HG2	0.44						0.44		
101	Bản Nà Pản	41b	6	863A		TLU	0.27						0.27		
102	Bản Nà Pản	69b	6	863A		TLU	0.47						0.47		

103	Bản Nà Pản	13	9	869A		HG2	0.23						0.23		
104	Bản Nà Pản	18	9	869A		TLU	1.06						1.06		
105	Bản Nà Pản	22	9	869A		RTTN	4.64						4.64		
106	Bản Nà Pản	20b	9	869A		HG2	3.01						3.01		
107	Bản Nà Pản	25a	5	863A		TLU	0.47						0.47		
108	Bản Nà Pản	27a	5	863A		TLU	0.57						0.57		
109	Bản Nà Pản	30a	5	863A		TLU	0.66						0.66		
110	Bản Nà Pản	35a	5	863A		TND	0.61						0.61		
111	Bản Nà Pản	4b	5	863A		TND	0.4						0.4		
112	Bản Nà Pản	71b	5	863A		TXDN	0.63						0.63		
113	Bản Nà Pản	10a	1A	863B		TXDK	1.35						1.35		
114	Bản Nà Pản	9a	1A	863B		TXDK	0.8						0.8		
115	Bản Nặm Ún	25	6	869b		HG2	1.9						1.9		
116	Bản Nặm Ún	30	6	869b		HGD	0.94						0.94		
117	Bản Nặm Ún	33	6	869b		HG2	0.81						0.81		
118	Bản Nặm Ún	36	6	869b		TXDK	1.6						1.6		
119	Bản Nặm Ún	9c	6	869b		HG2	0.9						0.9		
120	Bản Nặm Ún	9d	6	869b		HG2	0.41						0.41		
121	Bản Nhôm	10	1	869A		HGD	0.23						0.23		
122	Bản Nhôm	22	1	869A		HGD	0.48						0.48		
123	Bản Nhôm	35	1	869A		HGD	0.34						0.34		
124	Bản Nhôm	59	1	869A		HGD	0.34						0.34		
125	Bản Nhôm	60	1	869A		HGD	8.51						8.51		
126	Bản Nhôm	66	1	869A		TXDK	3.8						3.8		
127	Bản Nhôm	69	1	869A		HG2	1.46						1.46		
128	Bản Nhôm	71	1	869A		HG2	0.8						0.8		
129	Bản Nhôm	84	1	869A		TXDK	1.32						1.32		
130	Bản Nhôm	91	1	869A		TXDK	0.35						0.35		
131	Bản Nhôm	122	1	869A		HG2	0.83						0.83		
132	Bản Nhôm	26a	1	869A		HG2	8.96						8.96		
133	Bản Nhôm	94a	1	869A		TXDK	0.14						0.14		
134	Bản Nhôm	15	2	869A		HG2	0.31						0.31		
135	Bản Nhôm	19	2	869A		HG2	0.87						0.87		
136	Bản Nhôm	66	2	869A		HG2	0.31						0.31		
137	Bản Nhôm	80	2	869A		HG2	1.44						1.44		
138	Bản Nhôm	97	2	869A		TXN	0.48						0.48		
139	Bản Nhôm	127	2	869A		HG2	6.64						6.64		
140	Bản Nhôm	93a	2	869A		HGD	0.61						0.61		
141	Bản Púng Khoai	57	1	860		HG2	1.02						1.02		
142	Bản Púng Khoai	11	2	860		HG2	0.25						0.25		
143	Bản Púng Khoai	14	2	860		HG2	1.03						1.03		
144	Bản Púng Khoai	23	2	860		HG2	0.41						0.41		
145	Bản Púng Khoai	24	2	860		HG2	0.97						0.97		
146	Bản Púng Khoai	19a	2	860		HG2	8.51						8.51		

147	Suối Dương						12.19						12.19	
148	Bản Thèn Luông	29	5	869b		HG2	0.94						0.94	
149	Bản Thèn Luông	35	5	869b		HG2	0.23						0.23	
150	Bản Thèn Luông	12a	5	869b		HG2	0.34						0.34	
151	Bản Thèn Luông	12b	5	869b		HG2	0.22						0.22	
152	Bản Thèn Luông	15d	5	869b		TXN	2.78						2.78	
153	Bản Thèn Luông	34b	5	869b		RTG	0.31						0.31	
154	Bản Thèn Luông	2	6	869b		HGD	0.11						0.11	
155	Bản Thèn Luông	15c	5	869b		HG2	0.3						0.3	
156	Bản Hiêm	9	3	876a		HG2	3.11						3.11	
157	Bản Hiêm	41	3	876a		HG2	0.69						0.69	
158	Bản Hiêm	15a	3	876a		HG2	0.93						0.93	
159	Bản Hiêm	4	4	876a		HG2	2.35						2.35	
160	Bản Hiêm	53	4	876a		HG2	0.95						0.95	
161	Bản Hiêm	113	4	876a		RTG	0.39						0.39	
162	Bản Hiêm	122	4	876a		HG2	1.57						1.57	
163	Bản Hiêm	127	4	876a		RTG	0.29						0.29	
164	Bản Hiêm	130	4	876a		RTG	0.72						0.72	
165	Bản Hiêm	137	4	876a		TLU	0.73						0.73	
166	Bản Hiêm	143	4	876a		TLU	0.53						0.53	
167	Bản Hiêm	14a	3	876a		TXK	2.48						2.48	
168	Bản Hiêm	1b	4	876a		TXK	1.79						1.79	
169	Bản Hiêm	2a	4	876a		TXK	0.5						0.5	
170	Bản Hiêm	39b	4	876a		RTG	0.35						0.35	
171	Bản Hiêm	44b	4	876a		RTG	1.31						1.31	
172	Bản Hiêm	44d	4	876a		RTG	0.3						0.3	
173	Bản Hiêm	4b	4	876a		HG2	1.16						1.16	
174	Bản Hiêm	69a	4	876a		TXK	0.49						0.49	
175	Bản Mé	5	7	876a		RTG	0.97						0.97	
176	Bản Mé	9	7	876a		RTTN	0.4						0.4	
177	Bản Mé	12	7	876a		HG2	0.91						0.91	
178	Bản Mé	15	7	876a		RTG	1.61						1.61	
179	Bản Mé	17	7	876a		HG2	0.73						0.73	
180	Bản Mé	24	7	876a		RTG	0.46						0.46	
181	Bản Mé	32	7	876a		HG2	2.09						2.09	
182	Bản Mé	44	7	876a		RTG	0.75						0.75	
183	Bản Mé	46	7	876a		RTG	0.42						0.42	
184	Bản Mé	23a2	15	876a		RTG	0.22						0.22	
185	Bản Mé	23a3	15	876a		RTG	0.82						0.82	
186	Bản Mé	3	6	876a		TXDK	1.52						1.52	
187	Bản Mé	2b	6	876a		TXK	1.83						1.83	
188	Bản Na Đông	15	5	876a		RTG	0.36						0.36	
189	Bản Na Đông	20	5	876a		RTG	1.09						1.09	
190	Bản Na Đông	21	5	876a		RTG	0.57						0.57	

191	Bản Na Đông	44	5	876a		RTG	0.32						0.32		
192	Bản Na Đông	73	5	876a		TXN	3.62						3.62		
193	Bản Na Đông	75	5	876a		RTG	0.5						0.5		
194	Bản Na Đông	81	5	876a		RTG	0.39						0.39		
195	Bản Na Đông	1a	5	876a		RTG	3.21						3.21		
196	Bản Na Đông	1c	5	876a		RTG	0.13						0.13		
197	Bản Na Đông	1e	5	876a		RTG	0.83						0.83		
198	Bản Na Đông	43b	5	876a		RTG	0.2						0.2		
199	Bản Na Đông	53f	5	876a		RTG	0.26						0.26		
200	Bản Na Đông	15b1	1	876a		TXP	0.59						0.59		
201	Bản Na Đông	2a	5	876a		TXP	0.75						0.75		
202	Bản Na Đông	44b	5	876a		RTG	0.16						0.16		
203	Bản Ngoàng	1	1	876a		TXN	1.45						1.45		
204	Bản Ngoàng	9	1	876a		TXN	0.63						0.63		
205	Bản Ngoàng	37	1	876a		TXN	0.12						0.12		
206	Bản Ngoàng	43	1	876a		TXN	0.13						0.13		
207	Bản Ngoàng	44	1	876a		TXN	0.71						0.71		
208	Bản Ngoàng	23b	1	876a		TXN	0.74						0.74		
209	Bản Ngoàng	31b	1	876a		TXN	0.69						0.69		
210	Bản Ngoàng	6	11	876a		TXN	1.35						1.35		
211	Bản Ngoàng	23	11	876a		RTG	1.33						1.33		
212	Bản Ngoàng	24	11	876a		RTG	0.24						0.24		
213	Bản Ngoàng	29	11	876a		RTG	0.51						0.51		
214	Bản Ngoàng	37	11	876a		RTG	0.41						0.41		
215	Bản Ngoàng	39	11	876a		RTG	0.41						0.41		
216	Bản Ngoàng	43	11	876a		RTG	3.33						3.33		
217	Bản Ngoàng	48c	11	876a		HGD	2.34						2.34		
218	Bản Ngoàng	48d	11	876a		HGD	0.11						0.11		
219	Bản Ngoàng	55a	11	876a		TXN	0.3						0.3		
220	Bản Ngoàng	55b	11	876a		TXN	0.63						0.63		
221	Bản Ngoàng	55c	11	876a		TXN	0.17						0.17		
222	Bản Ngoàng	56b	11	876a		TXDK	3.54						3.54		
223	Bản Ngoàng	56ca	11	876a		TXDK	0.57						0.57		
224	Bản Ngoàng	1a	14	876a		TXDK	3.78						3.78		
225	Bản Ngoàng	4a	1	876a		TXDN	0.27						0.27		
226	Bản Ngoàng	1b	5	876a		TXP	0.87						0.87		
227	Bản Pút	42	7	876a		RTG	1.16						1.16		
228	Bản Pút	43	7	876a		RTG	0.46						0.46		
229	Bản Pút	6	8	876a		HG2	1.61						1.61		
230	Bản Pút	11	8	876a		HG2	2.13						2.13		
231	Bản Pút	13	8	876a		HG2	0.7						0.7		
232	Bản Pút	18	8	876a		TLU	2.62						2.62		
233	Bản Pút	36	8	876a		RTG	0.26						0.26		
234	Bản Pút	5b	9	876a		RTG	0.17						0.17		

235	Bản Pút	26	10	876a		HG2	0.84						0.84		
236	Bản Pút	38	10	876a		TXDK	0.64						0.64		
237	Bản Pút	2c	10	876a		HG2	1.88						1.88		
238	Bản Pút	4	17	876a		TXDK	7.87						7.87		
239	Bản Pút	16b	8	876a		RTG	2.69						2.69		
240	Bản Tùm	1	2	876a		TXDK	0.78						0.78		
241	Bản Tùm	2	2	876a		TXN	1.17						1.17		
242	Bản Tùm	20	2	876a		HG2	4.06						4.06		
243	Bản Tùm	15b	2	876a		HG2	4.73						4.73		
244	Bản Tùm	18a	2	876a		HG1	0.5						0.5		
245	Bản Tùm	2b	2	876a		TXDK	0.99						0.99		
246	Bản Tùm	6b	2	876a		HG2	0.29						0.29		
247	Bản Tùm	20	7	876a		HG2	1.94						1.94		
248	Bản Tùm	28	7	876a		HG2	1.35						1.35		
249	Bản Tùm	11b	7	876a		RTG	0.42						0.42		
250	Bản Tùm	10	9	876a		TXDK	4.88						4.88		
251	Bản Tùm	16	9	876a		RTG	0.28						0.28		
252	Bản Tùm	35	9	876a		RTG	1.31						1.31		
253	Bản Tùm	39	9	876a		RTG	0.29						0.29		
254	Bản Tùm	41	9	876a		RTG	1.23						1.23		
255	Bản Tùm	48	9	876a		RTG	0.36						0.36		
256	Bản Tùm	65	9	876a		RTG	0.79						0.79		
257	Bản Tùm	68	9	876a		RTG	0.72						0.72		
258	Bản Tùm	76	9	876a		RTG	0.21						0.21		
259	Bản Tùm	93	9	876a		RTG	1.46						1.46		
260	Bản Tùm	109	9	876a		HGD	2.26						2.26		
261	Bản Tùm	111	9	876a		TXN	2.23						2.23		
262	Bản Tùm	112	9	876a		RTG	0.81						0.81		
263	Bản Tùm	23a	9	876a		RTG	0.87						0.87		
264	Bản Tùm	5a	9	876a		RTG	0.35						0.35		
265	Bản Tùm	87b	9	876a		HG2	2.58						2.58		
266	Bản Tùm	87c	9	876a		HG2	0.72						0.72		
267	Bản Tùm	5a	1	876a		TXDK	1.29						1.29		
268	Bản Tùm	11b	2	876a		TXN	0.86						0.86		
269	Bản Tùm	6c	2	876a		HG2	2.39						2.39		
270	Bản Boong Xanh	2	3	870		RTTN	0.36						0.36		
271	Bản Boong Xanh	3	3	870		RTTN	0.73						0.73		
272	Bản Boong Xanh	4	3	870		RTG	0.34						0.34		
273	Bản Boong Xanh	10	3	870		HG2	0.49						0.49		
274	Bản Boong Xanh	67	3	870		RTG	0.15						0.15		
275	Bản Boong Xanh	74	3	870		TLU	0.69						0.69		
276	Bản Boong Xanh	82	3	870		RTG	0.68						0.68		
277	Bản Boong Xanh	116	3	870		HG2	0.72						0.72		
278	Bản Boong Xanh	8a	3	870		TXK	0.74						0.74		

279	Bản Boong Xanh	12	4	870		RTG	1.42						1.42		
280	Bản Boong Xanh	16	4	870		HG2	0.6						0.6		
281	Bản Boong Xanh	20	4	870		RTG	2.31						2.31		
282	Bản Boong Xanh	50	4	870		RTG	0.2						0.2		
283	Bản Boong Xanh	51	4	870		HG2	0.44						0.44		
284	Bản Boong Xanh	47	10	866B		RTG	0.32						0.32		
285	Bản Boong Xanh	57	2	870		HGD	0.24						0.24		
286	Bản Boong Xanh	121b	3	870		HGD	0.42						0.42		
287	Bản Boong Xanh	122a	3	870		HGD	0.3						0.3		
288	Bản Boong Xanh	24a	3	870		TXN	0.49						0.49		
289	Bản Boong Xanh	30a	3	870		TXN	0.63						0.63		
290	Bản Boong Xanh	9a1	3	870		TXK	0.6						0.6		
291	Bản Boong Xanh	31b1	9	866B		RTK	1						1		
292	Bản Chiềng Phú	92b	11	866B		RTG	0.62						0.62		
293	Bản Ngựa	1	1	870		RTTN	4.9						4.9		
294	Bản Ngựa	29	1	870		RTG	1.25						1.25		
295	Bản Ngựa	3	2	870		HG2	0.77						0.77		
296	Bản Ngựa	4	2	870		HG2	0.55						0.55		
297	Bản Ngựa	7	2	870		RTG	2.17						2.17		
298	Bản Ngựa	23	9	866B		RTG	0.4						0.4		
299	Bản Ngựa	13a	1	870		TXN	0.43						0.43		
300	Bản Ngựa	18a	1	870		TXN	0.11						0.11		
301	Bản Ngựa	19a	1	870		TXN	0.13						0.13		
302	Bản Ngựa	5b	1	870		RTG	7.01						7.01		
303	Bản Ngựa	56	2	870		HGD	0.33						0.33		
304	Bản Ngựa	13a	2	870		TXK	0.67						0.67		
305	Bản Ngựa	1d	2	870		RTG	2.02						2.02		
306	Bản Ngựa	75b	5	870		TXN	0.34						0.34		
307	Bản Pang Héo	86b	4	870		TXN	2.06						2.06		
308	Bản Pang Héo	84	6	866B		RTG	0.17						0.17		
309	Bản Pang Héo	16	1	866B		HGD	0.5						0.5		
310	Bản Pang Héo	11b	5	866B		TXK	0.21						0.21		
311	Bản Pang Héo	91b	5	866B		RTK	0.78						0.78		
312	Bản Phát	30	4	870		RTG	0.37						0.37		
313	Bản Phát	57aa	6	870		RTG	0.11						0.11		
314	Bản Phát	57ab	6	870		RTG	0.75						0.75		
315	Bản Phát	57ac	6	870		RTG	0.18						0.18		
316	Bản Phát	9a	6	870		RTG	0.18						0.18		
317	Bản Phát	9b	6	870		RTG	0.22						0.22		
318	Bản Phát	100a	12	866B		TXP	0.92						0.92		
319	Bản Phát	103a	12	866B		TXP	0.53						0.53		
320	Bản Phát	99a	12	866B		TXP	0.24						0.24		
321	Bản Sộp Sạng	9	4	870		RTG	1.06						1.06		
322	Bản Sộp Sạng	6	5	870		RTG	0.28						0.28		

323	Bản Sộp Sạng	7	5	870		RTG	4.58					4.58		
324	Bản Sộp Sạng	41	5	870		RTG	0.34					0.34		
325	Bản Sộp Sạng	66	5	870		RTG	0.71					0.71		
326	Bản Sộp Sạng	11a	4	870		TXN	0.18					0.18		
327	Bản Sộp Sạng	12b	4	870		TXN	0.57					0.57		
328	Bản Sộp Sạng	20b	4	870		RTG	0.24					0.24		
329	Bản Sộp Sạng	87a	4	870		TXN	0.17					0.17		
330	Bản Sộp Sạng	9b	4	870		TXN	0.24					0.24		
331	Bản Sộp Sạng	30b	5	870		RTG	0.14					0.14		
332	Bản Thàn	79	8	866B		HG2	2.29					2.29		
333	Bản Thàn	12b	8	866B		TXK	0.48					0.48		
334	Bản Thàn	4b1	8	866B		TXDK	0.39					0.39		
335	Bản Búng Mo	23	1	866A		RTTN	0.58					0.58		
336	Bản Búng Mo	42	1	866A		RTTN	2.35					2.35		
337	Bản Chiềng Sạng	10	1	867		HG2	1.21					1.21		
338	Bản Chiềng Sạng	11	1	867		HG2	1.05					1.05		
339	Bản Chiềng Sạng	12	1	867		RTG	0.22					0.22		
340	Bản Chiềng Sạng	51	2	867		RTG	0.36					0.36		
341	Bản Chiềng Sạng	50d	2	867		RTG	0.7					0.7		
342	Bản Chiềng Sạng	26	1	867		TXK	2.85					2.85		
343	Bản Chiềng Sạng	42d	2	867		TXK	0.45					0.45		
344	Bản Chiềng Sạng	46b	2	867		TXK	1.01					1.01		
345	Bản Đán	26	4	867		HGD	0.27					0.27		
346	Bản Đán	6	5	867		HGD	0.26					0.26		
347	Bản Đán	7	5	867		HGD	0.29					0.29		
348	Bản Đán	17d	5	867		HG2	3.03					3.03		
349	Bản Đán	18b	5	867		HGD	0.41					0.41		
350	Bản Đán	19c	5	867		HGD	0.65					0.65		
351	Bản Đán	5	3	866A		RTG	1.17					1.17		
352	Bản Mai Ngập	1	3	867		RTTN	0.26					0.26		
353	Bản Mai Ngập	2	3	867		TLU	0.68					0.68		
354	Bản Mai Ngập	3	3	867		TXDK	2.81					2.81		
355	Bản Mai Ngập	8	4	867		TXDK	0.35					0.35		
356	Bản Mai Ngập	1ab	4	867		TXDK	2.11					2.11		
357	Bản Mai Ngập	2ab	4	867		TXDK	1.81					1.81		
358	Bản Mai Ngập	52a	3	867		TXK	0.17					0.17		
359	Bản Mai Ngập	55a	3	867		TXK	1.26					1.26		
360	Bản Mai Ngập	1aa	4	867		TXK	1.12					1.12		
361	Bản Mai Ngập	2aa	4	867		TXK	0.72					0.72		
362	Bản Bắt Đông	8b	3	868B		HGD	0.59					0.59		
363	Bản Bắt Đông	1a	2	874B		HG2	5.09					5.09		
364	Bản Khá	2	7	868		HGD	5.6					5.6		
365	Bản Khái	11b	6	868B		RTG	0.46					0.46		
366	Bản Khoóng	28	11	868B		RTG	3.19					3.19		

367	Bản Mệt Sai	2	3	865		HGD	0.64						0.64		
368	Bản Mệt Sai	1b	3	865		HGD	12.35						12.35		
369	Bản Mệt Sai	7	5	865		TLU	0.96						0.96		
370	Bản Mệt Sai	2a	2	868		HGD	1.22						1.22		
371	Bản Mệt Sai	22	3	874B		TXN	3.12						3.12		
372	Bản Mệt Sai	1a	3	874B		RTG	0.11						0.11		
373	Bản Mệt Sai	1b	3	874B		RTG	0.32						0.32		
374	Bản Mệt Sai	3b	3	874B		RTG	1.3						1.3		
375	Bản Mệt Sai	7	6	874B		RTG	0.26						0.26		
376	Bản Mệt Sai	4b	6	874B		RTG	0.26						0.26		
377	Bản Mệt Sai	5a	6	874B		RTG	0.3						0.3		
378	Bản Mệt Sai	8a	6	874B		TXN	1.66						1.66		
379	Bản Mệt Sai	8b	6	874B		RTG	0.49						0.49		
380	Bản Na Pa	2b	1	865		HGD	8.67						8.67		
381	Bản Na Pa	1	2	865		HGD	7.54						7.54		
382	Bản Na Pa	2	2	865		TXDP	1.41						1.41		
383	Bản Na Pa	4	2	865		HG2	1.07						1.07		
384	Bản Na Pa	10	2	865		HGD	4.03						4.03		
385	Bản Na Pa	11	2	865		HGD	0.78						0.78		
386	Bản Na Pa	5b	2	865		HG2	3.55						3.55		
387	Bản Na Pa	8d	2	865		HG2	9.98						9.98		
388	Bản Na Pa	1	8	865		HGD	5.61						5.61		
389	Bản Na Pa	3	9	865		HGD	6.6						6.6		
390	Bản Na Pa	10	9	865		TLU	3.18						3.18		
391	Bản Na Pa	13	9	865		TLU	3.17						3.17		
392	Bản Na Pa	16	9	865		HGD	1.27						1.27		
393	Bản Na Pa	18	9	865		TLU	1.01						1.01		
394	Bản Na Pa	7b	9	865		HGD	1.8						1.8		
395	Bản Na Pa	5b	2	868		HGD	0.2						0.2		
396	Bản Na Pa	14	2	865		HG2	2.88						2.88		
397	Bản Na Pa	15	10	865		HGD	3.21						3.21		
398	Bản Na Pa	4	12	865		TXDN	0.78						0.78		
399	Bản Nghè	1	6	874B		RTG	3.17						3.17		
400	Bản Nghè	2	6	874B		RTG	0.7						0.7		
401	Bản Nghè	3c	6	874B		RTG	0.96						0.96		
402	Bản Nghè	5b	6	874B		RTG	0.26						0.26		
403	Bản Nghè	6a	6	874B		RTG	3.48						3.48		
404	Bản Pá Sang	4b	6	865		HG2	0.3						0.3		
405	Bản Pá Sang	5a	6	865		HG2	0.81						0.81		
406	Bản Thín	24ce	4	874B		HG2	1.88						1.88		
407	Bản Thín	29ba	4	874B		HG2	0.16						0.16		
408	Bản Huổi Hẹ	183	4	866C		RTG	0.26						0.26		
409	Bản Huổi Hẹ	212	4	866C		RTG	0.34						0.34		
410	Bản Huổi Hẹ	22	10	866C		RTG	0.46						0.46		

411	Bản Huổi Hẹ	85	10	866C		RTG	0.67						0.67		
412	Bản Huổi Hẹ	92	10	866C		RTG	1.06						1.06		
413	Bản Huổi Hẹ	82a	10	866C		RTG	0.83						0.83		
414	Bản Huổi Qua	7	3	874		RTG	1.05						1.05		
415	Bản Huổi Qua	29	3	874		RTG	0.3						0.3		
416	Bản Huổi Qua	45	3	874		RTTN	1.02						1.02		
417	Bản Huổi Qua	58	3	874		RTTN	0.79						0.79		
418	Bản Huổi Qua	17b	3	874		RTTN	0.84						0.84		
419	Bản Huổi Qua	17c	3	874		TXP	0.39						0.39		
420	Bản Huổi Qua	21a	3	874		TXN	1.48						1.48		
421	Bản Huổi Qua	25	5	874		HG2	2.36						2.36		
422	Bản Huổi Qua	27	5	874		HGD	1.1						1.1		
423	Bản Huổi Qua	8b	5	874		TXDK	0.38						0.38		
424	Bản Huổi Qua	14	6	874		RTG	1.35						1.35		
425	Bản Huổi Qua	15b	6	874		TXN	1.18						1.18		
426	Bản Huổi Qua	1b	6	874		TXN	0.87						0.87		
427	Bản Huổi Qua	3b	6	874		TXN	0.76						0.76		
428	Bản Huổi Qua	74	3	874		TXN	2.78						2.78		
429	Bản Huổi Qua	42b	3	874		TXN	3.14						3.14		
430	Bản Huổi Qua	44a	3	874		TXN	1.54						1.54		
431	Bản Huổi Qua	62a	3	874		TXN	0.25						0.25		
432	Bản Huổi Qua	63c	3	874		TXN	0.89						0.89		
433	Bản Huổi Qua	69a	3	874		TXN	1.45						1.45		
434	Bản Huổi Qua	10ab	5	874		TXN	0.51						0.51		
435	Bản Huổi Qua	2b	5	874		TXDK	1.51						1.51		
436	Bản Huổi Qua	3b	5	874		TXN	0.66						0.66		
437	Bản Huổi Qua	4a	5	874		TXN	0.82						0.82		
438	Bản Huổi Qua	12a	6	874		TXN	0.86						0.86		
439	Bản Huổi Qua	1a	6	874		TXN	0.37						0.37		
440	Bản Huổi Qua	2a	6	874		TXN	0.18						0.18		
441	Bản Huổi Qua	5a	6	874		TXN	0.36						0.36		
442	Bản Kho Vàng	10b	2	874		TXDK	1						1		
443	Bản Mường Vạt	12	1	874		RTG	0.27						0.27		
444	Bản Mường Vạt	13	1	874		RTG	0.5						0.5		
445	Bản Mường Vạt	16	1	874		RTG	0.7						0.7		
446	Bản Mường Vạt	20	1	874		RTG	0.46						0.46		
447	Bản Mường Vạt	23	1	874		RTG	3.47						3.47		
448	Bản Mường Vạt	26b	1	874		TXN	0.69						0.69		
449	Bản Mường Vạt	19	9	866C		RTG	0.53						0.53		
450	Bản Mường Vạt	116	9	866C		RTG	0.38						0.38		
451	Bản Mường Vạt	122	9	866C		HG2	0.37						0.37		
452	Bản Mường Vạt	112a	9	866C		RTG	0.25						0.25		
453	Bản Na Lêm	203	4	866C		RTG	0.21						0.21		
454	Bản Na Lêm	204	4	866C		RTG	0.21						0.21		

455	Bản Na Lêm	205	4	866C		RTTN	0.19						0.19		
456	Bản Na Lêm	205b	4	866C		RTTN	0.33						0.33		
457	Bản Na Và	226	4	866C		TXP	0.72						0.72		
458	Bản Na Và	191b	4	866C		RTK	1.35						1.35		
459	Tiểu Khu 6	128	9	866C		RTTN	0.29						0.29		
460	Tiểu Khu 6	132	9	866C		RTTN	0.57						0.57		
Tổng cộng:															

PHỤ LỤC 1.1
DANH SÁCH DIỆN TÍCH ĐẤT RỪNG GIAO NHẬN KHOẢN
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND xã Yên Châu)

STT	Tên Cộng đồng rừng	Tên Cộng đồng nhận khoán	Diện tích nhận khoán (Ha)	Diện tích được chi trả
A	Xã Yên Châu			
1	Tiểu khu 1	Tiểu khu 1	4.57	4.57
2	Tiểu khu 2	Tiểu khu 2	2.92	2.92
3	Tiểu khu 3	Tiểu khu 3	3.60	3.60
4	Tiểu khu 4	Tiểu khu 4	3.09	3.09
5	Tiểu khu 6	Tiểu khu 6	5.99	5.99
6	Bản chai	Bản chai	10.83	10.83
7	Bản Chùm	Bản Chùm	9.36	9.36
8	Bản Đông Tấu	Bản Đông Tấu	6.10	6.10
9	Bản Huổi Siểu	Bản Huổi Siểu	5.07	5.07
10	Bản Hượng	Bản Hượng	28.03	28.03
11	Suối Dương	Suối Dương	20.66	20.66
12	Bản Nà Pản	Bản Nà Pản	50.12	50.12
13	Bản Nặm Ún	Bản Nặm Ún	6.56	6.56
14	Bản Nhôm	Bản Nhôm	38.22	38.22
15	Bản Thèn Luông	Bản Thèn Luông	5.23	5.23
16	Bản Hiêm	Bản Hiêm	20.64	20.64
17	Bản Mé	Bản Mé	12.73	12.73
18	Bản Na Đông	Bản Na Đông	12.98	12.98
19	Bản Ngoàng	Bản Ngoàng	24.63	24.63
20	Bản Pút	Bản Pút	23.03	23.03
21	Bản Tùm	Bản Tùm	42.12	42.12
22	Bản Boong Xanh	Bản Boong Xanh	13.87	13.87
23	Bản Chiềng Phú	Bản Chiềng Phú	0.62	0.62
24	Bản Ngùa	Bản Ngùa	21.08	21.08
25	Bản Pang Héo	Bản Pang Héo	3.72	3.72
26	Bản Phát	Bản Phát	3.50	3.50
27	Bản Sốp Sạng	Bản Sốp Sạng	8.51	8.51
28	Bản Thàn	Bản Thàn	3.16	3.16
29	Bản Búng Mo	Bản Búng Mo	2.93	2.93
30	Bản Chiềng Sàng	Bản Chiềng Sàng	7.85	7.85
31	Bản Đán	Bản Đán	6.08	6.08
32	Bản Mai Ngập	Bản Mai Ngập	11.29	11.29
33	Bản Bất Đông	Bản Bất Đông	5.68	5.68

34	Bản Khá	Bản Khá	5.60	5.60
35	Bản Khái	Bản Khái	0.46	0.46
36	Bản Khoóng	Bản Khoóng	3.19	3.19
37	Bản Mệt Sai	Bản Mệt Sai	22.99	22.99
38	Bản Na Pa	Bản Na Pa	66.74	66.74
39	Bản Nghè	Bản Nghè	8.57	8.57
40	Bản Pá Sang	Bản Pá Sang	1.11	1.11
41	Bản Thín	Bản Thín	2.04	2.04
42	Bản Huổi Hẹ	Bản Huổi Hẹ	3.62	3.62
43	Bản Huổi Qua	Bản Huổi Qua	29.19	29.19
44	Bản Kho Vàng	Bản Kho Vàng	1.00	1.00
45	Bản Mường Vạt	Bản Mường Vạt	7.62	7.62
46	Bản Nà Và	Bản Nà Và	3.01	3.01
Tổng			579.91	579.91

